



Endo Shusaku

El Salem

Người dịch: Nguyễn Nam Trân

EL SALEM

Endo Shusaku

Dịch giả: Nguyễn Nam Trân



El Salem

Endo Shusaku

Dịch giả: Nguyễn Nam Trân

*Bìa: **M.C.P***

*Nguồn: **Chim Việt càngh Nam***

*Trình bày: **Muôn Phương***

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

El Salem

ENDO SHUSAKU

Dịch giả: Nguyễn Nam Trân

Chim Việt càn Nam
Số 92 / 21-01-2024

Dến El Salem, tôi đợi anh Toda ở một khách sạn mà giống như nhà kho nằm trên con hẻm đằng sau lưng phố xá. Nếu người bạn từ thời đại học lâu ngày tôi không gặp đã nhận được tấm bưu thiếp gửi từ Roma, thế nào anh cũng biết hôm nay tôi vừa đặt chân lên đất nước này.

Tắm tắm phủ trên mặt sàn của căn phòng trọ trông loang lổ tựa lớp da của một người mắc bệnh ghẻ. Khi mở vòi phòng tắm, tôi bỗng nghe một tiếng động kỳ lạ như thể mình vừa sang nhầm số xe và sau đó, một dòng nước nóng màu

rỉ sét đã túa ra. Trong bồn rửa mặt, tôi nhấc thấy vài sợi lông hay tóc màu hạt dẻ của người khách nào đó đã đến ở trước đây và lúc mở cái tủ dành chứa quần áo, chỉ thấy bên trong lơ thơ vài cái móc áo đang treo. Lúc đưa mắt chăm chú nhìn chúng, tôi mới bắt đầu cảm thấy mình đang đứng giữa cái trống vắng của buổi xế trưa trên một đất nước xa xôi.

Tôi nhờ anh chàng Ả Rập trẻ vừa khuôn họ va-li tôi lên phòng đem rượu ulyt-ki đến thì anh đã lắc đầu ra dáng bối rối và trả lời:

– Ngày Sa-bát!

Thì ra như lời anh giải thích cho tôi, ở nước Israel, kể từ buổi chiều ngày thứ sáu, luật của đạo Do Thái quy định rất nghiêm ngặt vì đó là ngày nghỉ lễ tôn giáo, các cửa hàng đều phải đóng cửa và

cũng không ai được phép uống rượu. Vì không được uống rượu, tôi đành bắc một chiếc ghế bên cạnh cửa sổ và ngồi xuống, đốt điếu thuốc Hi-Lite bèo nhèo mang theo người và nhả vài ngụm khói. Lúc rời nước Nhật, tôi đã mang theo nguyên cả một tút thuốc Hi-Lite mà nay chỉ sót lại chừng hai ba điếu.

Phía đối diện khu đất trống lớn nhồn đất đá dưới thành cửa sổ là một con đường. So với phong cảnh những thị trấn nhỏ bên Hy Lạp và bên Ý thì con đường này cũng không khác mấy, có chăng chỉ là những lớp đá giống như hoa cương phơn phớt hồng đang chất đống đằng trước mấy khu vực xây cất.

Đôi khi có bóng khách bộ hành qua lại. Tuy mới là tháng tư nhưng khí hậu ở đây so với Nhật Bản thì phải gọi là đầu mùa hè. Và có lẽ vì đó mà đàn ông trên

người chỉ mặc mỗi sơ-mi tay dài chứ không choàng ngoài áo vét. Còn như trang phục của phụ nữ thì nếu so với Roma hay Paris, trông luộm thà luộm thụt hơn nhiều. Hơn thế nữa, mấy chiếc buýt đi ngang toàn là loại cũ mèm. Có lẽ vì họ đang ở giữa thời chiến, nhưng nếu có đánh nhau thì chiến sự đang xảy ra ở phía nào đây? Hai tiếng đồng hồ trước, nhìn từ ngoài cửa xe khi từ phi trường Tel Aviv đến El Salem, tôi chỉ thấy những cánh đồng ô-liu trong nắng lóa, những thôn làng trắng xóa, nơi có những bác nông phu bắc ghế ra ngồi bên vệ đường nghỉ ngơi. Đối với một người đã sống trên đất Nhật dưới thời chiến như tôi thì đó là một phong cảnh quá nhàn nhã khó lòng tưởng tượng nổi.

Không biết đường đất thế nào, tôi bèn trái tằm bản đồ nhận được ở quầy

khách sạn lên đồi rồi lơ đãng nhìn xuống nó. Trên bản đồ, tôi thấy El Salem được chia ra làm hai phần: khu phố cổ (Old Salem) đã có từ xưa và khu phố mới (New Salem) do người Do Thái di trú mới đến lập ra. Vị trí của khách sạn tôi đang ở được đánh dấu bằng một mũi tên đen to tướng. Không biết có phải vì phòng bên cạnh đang xả nước hay sao mà tôi nghe từ vách tường vọng lại tiếng xoen xoét như kim loại đang siết vào nhau. Ánh sáng buổi chiều rọi chói chang lên trên bức vách ố bẩn làm cho tôi, giữa cơn buồn ngủ, chợt chìm vào trong giấc mộng lúc nào không biết.



Bức tường ố bản đó hãỷ còn có một vài vết máu do người ta đập muối và các sợi dây giăng ngang mấy khung tường hãỷ còn vương mùi ẩm thấp của quần áo giặt giũ đọng lại. Căn phòng trọ nhìn xuống sân chơi của một ngôi trường. Từ đó là tiếng quát tháo khản cổ của đám học trò đang luyện tập đánh súng gấn lưỡi lê. Nghe những tiếng đó mà, ôi chao, trong giấc mơ của mình, đầu óc tôi

loáng thoáng nhớ lại cảnh tượng trường đại học hệ Cơ Đốc Giáo nơi mình đã tốt nghiệp, cũng như những khuôn mặt âu sầu, khổ hạnh cùng một lượt với mùi hôi nách của các ông giáo sĩ và thầy dòng làm việc ở đó đi kèm. Cuối cùng, khuôn mặt của một nam sinh viên với đôi kính mắt lòng tròn giống như kính anh bạn Toda nhưng không phải là anh, đã hiện ra trước mắt tôi. Anh chàng sinh viên có đôi mắt kính tròn xoe ấy vừa lục lọi từng quyển một mớ sách vở cá nhân tôi lưu trữ, mắt sầm soi nhìn vào rồi lên tiếng:

– Các giáo sĩ ở đại học này, tiếng là người nước ngoài đến từ một quốc gia đồng minh với ta nhưng bên trong, họ làm gì, mình đâu có biết! Họ có thể có những hoạt động gián điệp đấy!

Thế mà trước câu nói đó, một kẻ nhút nhát như tôi chỉ biết gật đầu.

Có tiếng động lạnh canh như từ chỗ xa xôi nào vọng tới nhưng không phải do vòi nước của phòng bên cạnh mà chỉ là tiếng điện thoại đang reo. Tôi bật dậy khỏi chiếc ghế và áp lỗ tai vào ống nghe.

– Toda đây cậu ạ. Tôi đang đứng bên dưới khách sạn này đó!

Thời sinh viên, khi chúng tôi còn ở cùng ký túc xá trong khu Yotsuya, Toda có bao giờ ăn nói điềm đạm như vậy đâu. Anh ta hồi hả và sôi nổi hơn thế nhiều. Hồi đó, Tokyo cũng đang ở trong giai đoạn chiến tranh mà El Salem bây giờ so với nó nào đã thấm vào đâu. Mỗi lần bọn dân công bị bắt đi lao động như chúng tôi mệt rũ trở về chỗ trọ từ những công binh xưởng, tôi và anh cùng chung thân phận là những kẻ chia nhau bát cháo loãng đun chút khoai lang do Quân tiếp vụ cấp phát. Khi đang đặt tai vào

ống nghe, tự dừng tôi có cảm tưởng như đang nhìn lại cái quá khứ hai mươi mấy năm về trước qua hình ảnh trên một tấm bưu thiếp đến từ một đất nước xa xôi nơi mình có lần du lịch.

Toda đang ngồi quay cái lưng còng về phía tôi trên một chiếc ghế bần thiu trước quầy lễ tân trong gian đại sảnh của khách sạn, một nơi đứng ra không xứng đáng được mệnh danh như thế. Tôi không vội đến gần mà chỉ đứng xa xa để có thể ngắm nghía mái đầu mà mảng tóc chỉ còn loe hoe nhô lên khỏi cái lưng còng ấy.

Tuy nhiên, dù mái tóc đã thưa và khóe mắt xếp nếp nhăn nhưng khi anh quay mặt lại thì những biểu hiện trên khuôn mặt vẫn là anh của ngày xưa. Một vết sẹo nơi cần cổ do bị phỏng cũng giúp tôi nhớ về anh hồi đó. Số là lúc còn nhỏ,

bà nội anh đã vô ý làm đổ nước sôi và lưu lại vết phỏng trên ấy.

– Đi đường mệt chứ?

– Không. Trong tàu bay, tớ ngủ quá trời.

Trong một đổi, hai chúng tôi tiếp tục trao đổi mấy câu chào hỏi như giữa người dưng kẻ lạ và quan sát những thay đổi trên thân thể bạn trong tháng năm dài không được gặp. Đến lúc tôi lấy cặp kính từ trên túi áo vét để đọc tấm danh thiếp anh vừa mới trao, lần đầu tiên trên mặt Toda mới thoáng hiện một nụ cười nhẹ như đã mở cánh cửa lòng, nụ cười có đôi nét khinh bạc ấy là cố tật xưa nay của anh.

– Tội mình già hết rồi cậu nhỉ?

Nhưng rồi sau đó những cứng nhắc

đã tan biến đi nhanh chóng, tôi và anh, cũng như ngày nào, bắt đầu kể cho nhau nghe về tin tức các thầy và bạn cùng lớp.

– Còn nhớ thằng A không? Chết ở chiến trường Phi Luật Tân rồi!

– Nó nhiều tài lắm nghe. Khi chúng mình ai nấy bụng cũng đói meo mà nó đã biết kiếm không biết đâu ra bao nhiêu là thức ăn.

Từ trong ký ức của tôi hiện ra cảnh hành lang đầy bụi của dãy nhà cao hai tầng dùng làm ký túc xá cùng với những căn phòng vốn là nhà vệ sinh và phòng tắm giặt nhưng lại bị dán giấy cấm sử dụng. Những mùi khai khảm đủ loại cũng sống lại một lượt với chúng. Chỗ ở của bọn trai trẻ như chúng tôi thì không đâu là không thấy đọng lại mùi của thân thể, và đôi lúc, lẫn vào với cái mùi ấy là

một thứ mùi hơi người đặc biệt mỗi khi các giáo sĩ ngoại quốc có dịp ghé qua. Lúc đó, các vị này thường xuyên bị canh sát canh chừng nên cứ phải mang bộ mặt u ám và đi bằng những bước chân âm thầm trên sân trường hay trong khu nhà ở...

Trong đám những vị giáo sĩ mang bộ mặt u ám ấy có người về sau vào thời hậu chiến, với sự giúp sức của lực lượng chiếm đóng Mỹ, đã xây dựng nên một đài phát thanh thuộc hệ Cơ Đốc Giáo. Lại có người nhân đi Hiroshima vào giai đoạn chiến tranh sắp kết thúc đã vướng vào vụ dội bom nguyên tử mà chết. Khi cùng Toda gợi lại kỷ niệm của các bạn học cũ thì cùng lúc, hình ảnh của từng vị giáo sĩ – là những người đã dạy cho chúng tôi các môn như Đức ngữ hay Triết học khái luận cũng lần lượt hiện về trong trí.

– Trong đám bạn bè tội mình hồi đi học, có ai đến xứ sở này không?

– Thằng Uchida có qua đây nhưng chỉ ghé lại thôi. Lần đó, nó có chân trong một phái đoàn đi quan sát các Nông trường tập thể (Kibbutz). Tổ chỉ có dịp gặp và trò chuyện khoảng một tiếng đồng hồ.

Nghe nói bây giờ nó sống ở Osaka hay đâu đó. Nếu có qua đây thì cũng chỉ năm thì mười họa.

Cách nói chuyện của hai đứa tôi dần dần đã tìm lại được sự thân mật như ngày xưa.

– Nếu không vì công chuyện, đất nước Israel này chẳng hay ho gì để tìm đến chơi đâu. Nơi đây không có gì đặc biệt lôi cuốn thiên hạ. Thành thử khi tớ

nhận được thư cậu gửi từ Roma, tớ thật
chúng hững. Thế thì vì có gì, cậu lại có ý
định ghé Israel?

Tôi hơi bối rối trước câu hỏi của
Toda. Hồi bắt đầu chuyến lữ hành, tôi
không có mấy may ý định ghé thăm xứ
sở này. Sau khi cùng các bạn trong đoàn
Đài Truyền Hình đánh một vòng các đại
đô thị như London, Paris và Madrid ...
tôi định theo họ lấy tàu bay trở về Tokyo
bằng con đường xuyên Bắc Cực. Thế mà
khi ở Roma, bất chợt tôi đã từ giã đoàn
sau khi nảy ra ý muốn thăm thú El Sa-
lem... Hành động đột ngột như vậy chỉ
có thể giải thích một cách khó hiểu bằng
tất cả cái quá khứ rắc rối của tôi thôi.

– Lâu ngày, tớ không có dịp đọc
những gì cậu viết. Ở xứ này, ngay cả
những tạp chí đến từ Nhật Bản, còn khó
kiếm nữa là...

Tuy lời Toda không có gì hàm ý chê bai nhưng ngược lại, câu ấy đã làm cho lòng tự ái của tôi bị tổn thương.

– Cậu không đọc có khi lại hay. Nếu bạn bè cũ đọc những gì tớ viết, tớ lại đâm ra mắc cỡ. Và lại, viết lách chỉ là kế sinh nhai của tớ nên mấy lúc sau này, tớ chỉ viết toàn mấy chuyện nhảm nhí.

Tôi vốn ý thức về sự xuống cấp tinh thần của mình hơn bất cứ ai nhưng cũng nhờ viết mấy cuốn tiểu thuyết cho thiên hạ giải khuây mà đã xây được một ngôi nhà ở ngoại ô và tậu xe hơi... Bao nhiêu đó đã đủ chứng minh tinh thần của mình đã sa đọa đến mức độ nào rồi. Đôi lúc nghĩ như thế, tôi đâm ra căm kỉnh với bản thân.

– Cậu sống ở đây được bao lâu rồi ấy nhỉ?

- Chín năm.
- Còn chuyện học hành thì đã đến đâu?
- Tớ theo đuổi môn Thánh Kinh Học (Thần Học) và tiếng Hê-bơ-rơ (Hebrai) nhưng mấy thứ này nếu đem về Nhật đâu có ai xài.

Cách nói ấy nghe như lời người hờn mát nhưng bên trong vẫn ẩn tàng một thái độ tự tin, khiến tôi đâm ra chạnh lòng, tưởng như anh đang dè bĩu mấy cuốn tiểu thuyết viết không ra gì của tôi. Hơn hai mươi năm về trước, khi còn sống chung với nhau trong ký túc xá nhà trường, Toda là kẻ lúc nào cũng có giọng điệu như muốn bảo ban người khác. Đặc biệt lúc đó, anh là người đã được rửa tội nên trong những cuộc thảo luận với các sinh viên chưa đi đạo, anh bao giờ cũng

nói năng với giọng điệu của kẻ đứng trên cao nhìn xuống.

– Hồi đó, trước kỳ thi, lúc nào cậu cũng giúp tớ ôn lại ngoại ngữ, cậu nhỉ?

– Thật à?

– Cậu còn được cả học bổng cơ mà! Về những nghiên cứu liên quan đến đất nước này đấy.

– Ôi! Chuyện đó đã qua lâu rồi.

Trong một giây, vẻ mặt Toda tỏ ra cay đắng:

– Nhưng nó cũng dính líu đến công việc tớ kiếm ăn hiện nay ở Liên Hợp Quốc.

– Bộ cậu không muốn quay về Nhật à?

Đột nhiên tôi nhớ ra mình không biết đã nghe được từ ai cách đây khoảng mười năm là Toda từng kết hôn và thất bại đến nỗi phải xa vợ lìa con. Trong ánh nắng chiếu vào cửa sổ của gian đại sảnh, tôi thấy anh đang lắc đầu, còn mắt thì hấp háy.

* * *

Phần tôi, do tính khí của mình, kể cả trước khi trở thành tiểu thuyết gia, tôi đã đi đến chỗ tránh mặt các giáo sĩ từng làm việc ở đại học cũ. Lý do là vì tôi không thích cho họ biết mình đã hết lui tới với Giáo hội. Đôi khi gặp gỡ bạn bè xưa trên những sân ga lộng gió hay vào những buổi tụ họp nhộn nhịp cuối năm, tôi cũng có nghe họ kể về Toda.

Khi được biết anh đã trở thành giáo sư ở một đại học nữ hệ Cơ Đốc ở Nagoya và theo đuổi việc nghiên cứu Kinh Thánh vốn là môn học hoàn toàn xa lạ với một kẻ như tôi, thì tôi chỉ cảm thấy đó là câu chuyện đã thuộc về một quá khứ đầy tiếc nuối. Tôi cũng chẳng đặc biệt mong gặp lại anh. Do đó, nếu trong lúc đến Paris và không nghe câu chuyện về anh từ một người bạn cùng lớp đang làm việc trong một hãng buôn cho biết Toda đang ở Israel và cho xem địa chỉ của anh chép trong cuốn danh bạ cũ của hội đồng môn, có lẽ tôi đã chẳng có ý định tìm gặp anh khi đến El Salem làm gì.

– Mình đi đâu chơi hè! Tiếc quá, hôm nay lại đúng vào ngày lễ Sabbath của đạo Do Thái. Và lại, trong khu vực này, tiệm nào cũng đóng cửa.

Toda lăm bầm như đang nói một mình khi chúng tôi vừa ra khỏi khách sạn. Anh đến gần chiếc xe Renault đang nằm trên một con lộ tắm trong ánh nắng.

– Israel là một quốc gia kỷ cương đến quá quắt, cậu ạ! Không có chỗ nào đáng để đi chơi như ở Beyrouth đâu.

– Nhưng tớ không còn thấy thú vị đối với những chỗ đi chơi nữa đâu. Già khú rồi.

Khi tôi bảo mình đã già, trong một thoáng, trên mép của anh Toda bỗng thấy nhếch lên một nụ cười. Tôi vẫn còn nhớ cái kiểu cười ấy. Hồi còn đi học, khi được anh dịch tiếng Đức cho nghe và đáp trả anh bằng những lời lẽ ngờ vực, tôi vẫn thấy anh có một nụ cười ngán ngẩm như vậy.

– Israel ở đâu đều giống nhau và El Salem cũng chỉ có hai bộ mặt đáng được xem. Đó là El Salem Cũ và El Salem Mới, tức là khu vực El Salem đã xuất hiện trong Kinh Thánh và Israel hiện đại.

– El Salem Mới thì như thế nào?

– Nó là bộ mặt của một Israel đang chiến tranh. Cũng là những Nông trường tập thể (Kibbutz) và công việc khẩn hoang sa mạc, tập đoàn tài chính Rockefeller. Đó là đặc trưng thứ nhất. Còn thứ hai là...

Bất chợt, tôi bật cười ngao ngán, phá ngang:

– Tớ coi bộ cậu vẫn không có gì thay đổi, so với ngày xưa.

– Sao cậu lại nói thế?

– Bởi vì ngày xưa cách ăn nói của cậu vẫn là như vậy. Nếu không là A thì phải là B. Còn nếu không là B, ắt nó phải là A. Cậu làm tớ nhớ lại thời ở ký túc xá, khi cậu tranh cãi về sự hiện hữu của Thượng Đế. Nếu có một vật nào hoạt động thì tất nhiên, phải có cái gì làm cho nó hoạt động. Bằng không, vật ấy nhất định không thể hoạt động được. Và cậu lại nói rằng khi đi tìm cái đầu tiên đã khiến cho mọi vật hoạt động, ta không thể nào phủ nhận sự hiện hữu của Thượng Đế.

– Ủa, tớ từng nói những điều lắm cảm như thế à?

Toda lắc đầu lia lịa và tiếp lời:

– Nhưng mà tính cậu cũng lạ lắm đấy nhá. Nếu không, sao bây giờ cậu lại cố tình tìm đến cái đất nước này?

Cũng như hồi này, tôi cảm thấy bối rối nên đã giữ im lặng. Thực ra, tôi không đến nỗi lạ lẫm như thế đâu. Khác với Toda là người đi đạo trên ghế trường đại học, tôi đã chịu phép rửa tội khi hãy còn là một cậu bé con. Theo một tôn giáo vì nghe lời mẹ chứ không do ý chí của mình là điều khiến cho sau này, tôi như kẻ mang một gánh nặng trong lòng và đã bao lần muốn dẹp bỏ nó đi. Thế nhưng tôi lại không đủ tự tin để làm điều đó vì cứ nghĩ rằng khi vứt bỏ nó đi rồi, mình sẽ làm gì và sống ra sao. Tôi đã không thể đưa ra một kết luận nhằm giải quyết cái mâu thuẫn nằm tận đáy lòng mình.

Lúc ở Roma, nếu đột nhiên có ý định đi El Salem, có lẽ cũng vì tôi muốn dịp này, mình sẽ giải quyết một lần cho trót cái mâu thuẫn tiềm ẩn trong tâm hồn.

– Chắc tại tuổi tác. Có lẽ vì đã có tuổi, tớ muốn có dịp hành hương trên quãng đường ngày xưa Chúa Giê-su đã đi.

Tôi không biết cách nào giải thích cho anh Toda nghe tâm sự tôi đang mang trong lòng nên mới trả lời anh bằng một câu mù mờ như thế.

– Thay vì nghe thuyết minh về công cuộc khẩn hoang sa mạc, đi tìm di tích của Chúa Giê-su lúc còn sống coi bộ dễ hiểu đối với tớ hơn.

– Ủa, đến bây giờ cậu vẫn còn để ý về cuộc đời của “ông ấy” hay sao chứ?

Chúng tôi đến một khu phố mà những tiệm may quần áo đàn bà và bán đồng hồ đã đóng kín cửa sắt. Hôm nay là ngày Sabbath của đạo Do Thái nên

đường phố lác đác người. Chỉ có một nơi mở cửa. Đó là rạp chiếu xi-nê mà trước một tấm phong to vẽ tranh quảng cáo với khuôn mặt tài tử John Wayne trong bộ đồ lính kỵ binh, năm sáu thanh niên Do Thái đang đứng sắp hàng cạnh quầy bán vé.

“Bây giờ cậu vẫn còn để ý đến cuộc đời của ‘ông ấy’ hay sao?”

Khẩu điệu của Toda khi nói câu ấy, đối với tôi, có một cái gì nghe như trêu chọc. Tuy nhiên, có lẽ anh nói như thế chỉ vì từng nghe lời đồn đại từ ai đó là đã lâu rồi, tôi không còn lui tới Nhà thờ. Cùng với thời gian, lòng tin tôn giáo của tôi cũng đã biến thành một cái chậu hứng nước mưa mục đến thủng đáy. Hình ảnh của Chúa Giêsu bây giờ không khác gì khuôn mặt của anh chàng John Wayne được mô tả một cách tầm phào trên bức

họa của tấm phong quảng cáo.

– Tôi không biết mình cũng như vậy hay không?

Trên môi Toda lại thoáng hiện một nụ cười châm biếm. Tôi chợt nhớ lại mấy trang bản thảo hồi mới tập tành viết văn mà sau này, tôi đã để nằm im trong một hốc ngăn kéo. Đó là cuốn tiểu thuyết mà nhân vật chính là một môn đồ của Chúa Giê-su. Tôi đã định viết về ông ta như một gã đàn ông bản tính gian dối, khôn vặt mà lại lười biếng ... nhưng sẽ đưa con người thật của mình vào trong nhân vật đó. Thế rồi, khi không thành công với mục đích nói trên, tôi có cảm tưởng là mình đã vứt bỏ cả Chúa.

– Đây là khu Jaffa đấy, cậu. Cứ xem nó như là vùng Shinjuku của El Salem đi. Hồi “Chiến tranh hai mươi ngày”,

nơi đây rất nguy hiểm, không ai dám đi ngang.

– Chứ lúc chiến tranh, cậu đang ở đâu?

– Ở Trụ Sở Hội Quốc Liên. Bên cạnh đó, bộ đội Jordanie có đặt mấy khẩu liên thanh và bắn tới tấp đến làm tụi tôi phải nằm dán sát mặt sàn và không dám động đậy. Phía trước mặt, hãy còn đầy vết đạn pháo kích hồi đó kìa.

– Tớ thấy mấy tòa nhà ở đây có cái màu rất lạ, Có phải chúng được xây bằng đá hoa cương không nhỉ?

– Không. Thứ này là loại đá đặc biệt của Israel đấy. Họ dùng nó để xây từ khu gia cư cho đến các dinh thự, cơ quan. Đằng kia là Ngân hàng nhà nước. Đằng này là Khách sạn King George, khách sạn

sang số một của El Salem đấy. Nó nằm ở một góc đối xứng với Đại học Hebreu (Hebrai), nơi tớ từng theo học.

Tuy tôi không mấy quan tâm đến những thông tin kiểu đó nhưng mỗi lần giới thiệu như vậy thì Toda lại giảm tốc độ để chiếc xe Renault cà tàng của anh đi chậm bớt cho tôi có thể nhìn.

– Thế thì chỗ Chúa đãi môn đồ bữa tiệc cuối cùng và khu vườn Gethsemane (Vườn Ép Dầu) thì nằm ở đâu hử cậu?

Những chốn này đã gắn bó với tôi suốt thời thơ ấu cho đến khi bước qua tuổi thiếu niên. Vào ngày lễ Giáng Sinh, các anh cấp bậc Đại học thường diễn vở kịch có cảnh Chúa sinh ra đời. Đứa vụng về như tôi thì chỉ được thủ vai con lừa cho Đức Mẹ Maria cưỡi.

- Cậu muốn đi xem à?
- Hơi hơi muốn một chút.
- Tớ sẽ hướng dẫn cậu... nhưng xin báo cậu trước là những chỗ đó đều là “đồ dỏm” cả.

Lúc này, Toda vẫn nói với một giọng quả đoán như ngày xưa làm như thể anh đang muốn chặt đứt cái nguyện vọng thầm kín và nhỏ bé của tôi.

- Có thật là “đồ dỏm” không?
- Có chứ. Vì đây là cái được dùng để câu đám khách hành hương. Về mặt khảo cổ học thì không có giá trị gì. Nó giống như hòn đá mà Yoshitsune¹ từng ngồi lên trên thôi.

* * *

¹ Minamoto no Yoshitsune (1159–1189), danh tướng Nhật Bản mà cuộc đời là những trang huyền thoại.

Đã quá ba rưỡi chiều mà những tia nắng dữ dội phản chiếu lên trên những cánh cửa sắt của khu phố Jaffa vẫn nóng ran như giữa ban trưa. Khi đèn tín hiệu vừa đổi màu, đám người vừa tụ tập trên con lộ đã theo vạch vôi băng qua đường. Lần trong đám họ, tôi thấy có hai anh lính Israel mặc quân phục màu cỏ úa.

Tuy vậy, không khí ở khu vực này cũng giống như ở Shinjuku trong thời chiến, không nơi đâu là có không khí chết chóc và cũng chẳng có một chút gì gọi là cái mùi cổ kính của thành phố El Salem từng được nói đến trong Kinh Thánh.

Thế nhưng sau khi chiếc xe của chúng tôi đi hết khu vực Jaffa được một đổi, tôi để ý có một cái mùi lạ hoắc đang bốc lên

và mỗi lúc càng mạnh. Tôi cũng nhận thấy rõ ràng là phong cảnh đang dần dần thay đổi. Tuy hai bên đường những cửa tiệm kiến trúc kiểu Tây phương vẫn còn tiếp nối nhưng bóng dáng những người Ả Rập với tấm khăn vải tròn bọc lấy đầu (keffiyeh) đã lọt vào tầm mắt của tôi. Mấy anh đàn ông – giống như hình ảnh thường thấy trong xi-nê – mặc áo dài giống như áo ngủ và chân đi dép xăng-đan. Trong đám khách bộ hành, giữa khi số đàn ông ăn mặc kiểu Ả Rập bắt đầu tăng lên, tôi cũng bắt đầu thấy bóng vài ba người đàn bà với những chiếc áo màu đen che kín cả nửa khuôn mặt.

– Đây là nơi bắt đầu khu phố cổ của El Salem đấy!

Toda cho giảm tốc độ chiếc xe. Lúc đó, bên phía Đông bỗng hiện ra những bờ tường màu nâu giống như thành

quách. Tường thành lại có một cánh cửa trông như lối vào hang động. Từ trong cánh cửa thành như miệng hang ấy, tôi thấy một đàn cừ ủa ra chẳng khác nào dòng nước dài màu xám. Một anh chàng Ả Rập ngồi trên lưng lừa đang đuổi theo lưng chúng. Mấy người bên đường phải nhẫn nại đợi cho đến khi đàn cừ đi qua hết. Khác với hình ảnh của khu vực Jaffa, hình ảnh xô bồ, nhốn nháo và bầu không khí hôi hám đang bốc lên trên khu vực này lại khiến cho một người Nhật như tôi cảm thấy có gì thật gần gũi, thân quen. Những con phố đầy nước bắn ở đây khiến tôi liên tưởng đến Khu chợ đen (Yami-ichi) ở Shinjuku khi chiến tranh vừa chấm dứt với những cửa tiệm sắp hàng bên nhau trông như những cái hộp nhỏ. Tôi không biết một đám người Ả-Rập đang đứng làm gì ở bên dưới một tấm biển có viết những hàng chữ Ả Rập

nhằng nhịt như đàn kiến đang bò.

– Họ được phép vào thành à?

– Dĩ nhiên là được phép chứ. Chỉ có xe cộ là bị cấm. Duy hôm nay là không được vào. Ngày nghỉ ở khu phố cổ của El Salem chỉ chấm dứt vào ngày mai thôi.

Tôi thấy giọng Toda như có vẻ mệt mỏi và ngán ngẫm.

– Ngôi thành này có phải đã có từ thời Chúa Giêsu không?

Tôi hãy còn nhớ mang máng là khi còn trẻ, một vị linh mục đã đọc cho nghe một câu gì trong Kinh Thánh trước cái lễ gọi là "Tuần Chay"² cho biết khi đi gần đến kinh đô, Chúa Giêsu đã không

2 Một ngày lễ trước Lễ Phục-Sinh (Fukkatsusai, Easter), lúc tín đồ phải chay tịnh và tiết dục để tưởng nhớ việc Chúa Giêsu từng tuyệt thực 40 ngày trong sa mạc. Tiếng Nhật gọi là Shijunsetsu (Tứ Tuần Tiết), tiếng Anh gọi là Lent.

ngừng than khóc cho El Salem.

Toda lắc đầu nói:

– Cậu vớ vẩn thật! Thành này đã được xây ra sau này, vào thời quân Thổ Nhĩ Kỳ chiếm đóng đó. Ví bằng cái thành El Salem thời Chúa Giêsu có để lại dấu tích gạch ngói thì nó cũng đã bị vùi lấp thật sâu bên dưới ngôi thành hiện tại rồi.

Sau khi Chúa qua đời, thành El Salem đã bao lần bị hủy hoại rồi được tái thiết. Nó lần lượt bị quân La Mã, quân Thập Tự và quân Hồi Giáo giày xéo. Trên những con phố của ngôi thành hoang phế ấy, người ta đã tái thiết những đường phố mới. Và do đó, trên di tích các khu vực cũ, họ lại xây đắp lên những khu vực mới, rồi cuộc nó đã biến thành những quả đồi. Rồi Toda lại giảng thêm cho tôi là danh từ Khảo cổ học gọi các di tích gò

đồi này là Di khâu (Tell³):

– Và do đó, những dấu tích của Chúa Giêsu ngày đó, chúng ta hầu như không thể nào tìm được trong ngôi thành bây giờ.

Và giống như El Salem, hình ảnh của Chúa Giêsu, một thời từng tồn tại trong cõi lòng tôi cũng đã biến đi đâu mất...

* * *

Sau khi chở tôi về đến khách sạn, Toda cho biết anh muốn mời tôi đến ghé thăm ngôi nhà trọ nơi anh ở nhưng lại thôi, viện cớ gặp lúc nhà chủ đang cho sơn quét bảo trì phòng ốc. Trong đầu tôi lúc đó thoáng hiện ý nghĩ là anh không

³ Tell là chữ gốc tiếng Ả-Rập để gọi các gò đồi do sự chồng chất của các kiến trúc mới phủ lên trên kiến trúc cũ và đất cát khô cứng lại mà làm thành.

muốn cho tôi nhìn thấy cuộc sống hiện tại của mình. Anh có thể đang sống với một người đàn bà nào đó mà cũng có thể là không. Thế nhưng việc ấy nào có gì quan trọng.

Bao năm tháng trôi qua từ lúc hai đứa quen nhau, hình ảnh Chúa Giêsu trong tôi đã mốc meo nhưng thử hỏi hình ảnh của Ngài trong lòng anh giờ đây biến hóa ra sao? Tôi thầm nghĩ nếu được phép đến thăm anh ở ngôi nhà trọ anh thuê, với sự nhạy cảm của một tiểu thuyết gia, biết đâu tôi chẳng đánh hơi được một phần nào sự thay đổi đó?

– Hay là chúng mình ăn cơm chiều ở khách sạn đi?

Toda lắc đầu:

– Cơm nước không thành vấn đề

nhưng chắc cậu muốn có tí rượu nhấm nháp chứ? Thôi, để tớ trở về đằng nhà trọ kiếm cái gì mang tới. Bề gì, nhằm ngày Sabbath, ở khách sạn, người ta cũng không bán rượu.

Tôi trở về phòng, mở vòi nước nóng han rỉ để tắm rửa. Khi mới vặn thì cũng như mọi lần, nó đã rung lên và phát ra tiếng kêu như người bị động kinh. Khi tôi lấy chút nước nóng đã đổi sang màu hung đỏ ấy để rửa ráy tay chân, kỷ niệm những cuộc đối thoại với Toda trong gian phòng tắm ký túc xá sinh viên của hơn hai mươi năm về trước tưởng chừng đang sống lại.

Lúc đó tình hình cuộc chiến bất chợt xấu hẳn, đám sinh viên chúng tôi mỗi tuần phải chạy đôn chạy đáo đến năm sáu ngày để phục vụ trong những công xưởng chế tạo quân nhu. Cho đến năm

ngoái, trong phòng ăn của cư xá, tuy chỉ là một bát cơm sùng nhưng chúng tôi còn có cơm để ăn. Năm nay, khẩu phần chỉ còn mỗi bát cháo độn. Đáng lý ra mỗi ngày đều được đi tắm nhưng để tiết kiệm củi và than đá, chế độ tắm đã giảm xuống chỉ còn hai lần một tuần. Mỗi khi từ công xưởng trở về, nếu chậm trễ một chút, nước trong bồn tắm đã bị bọn người vào trước làm cho vẫn đục bằng mồ hôi và câu ghét của họ. Lặn vào bên trong văng hơi nước đang bốc lên là cái mùi hôi hám đến lợm giọng.

– Mấy thứ xà phòng giả hiệu này, làm gì mà ra bọt nhỉ!

Một đêm, lúc ngồi trên về bồn tắm và nhìn tôi đang ngâm người trong bồn, Toda đã gợi chuyện như vậy. Lúc đó buồng tắm chỉ có hai đứa thôi.

– Hôm nay, trong xe điện, tớ gặp phải một cảnh khó chịu.

– Chuyện gì vậy?

– Tớ vô tình lấy chuỗi hạt mân cô (rosario) từ trong túi áo ra mân mê, bỗng có một người đàn ông phía trước mặc một bộ đồ kiểu trang phục quốc dân (kokuminfuku⁴) tiến tới sát bên, to tiếng cật vấn tớ tại sao giữa thời đại này mà còn tin theo mấy thứ tôn giáo ngoại quốc như thế. Tớ bèn phản đối anh ta nhưng khi nhìn chung quanh, tớ mới thấy hành khách trong toa vẫn ngồi im thín thít. Có lẽ họ đều khiếp sợ.

Tôi tin chắc một người như Toda thế nào cũng đã lên tiếng phản đối. Nếu là tôi thì tôi chỉ ngồi im. Việc anh xem như khó chịu đối với một tín hữu cũng là điều

⁴ Quần áo và mũ mấn thường dân mặc trong thời chiến nhưng được may theo quy cách quân đội.

không còn gì xa lạ đối với bản thân tôi. Thế nhưng gặp cảnh như vậy, tôi thường trốn tránh. Tôi không hề tiết lộ chuyện mình đã rửa tội cho ai ở bên ngoài hay biết, còn khi làm việc trong công binh xưởng thì vẫn dấu kín nó như bưng.

Tôi quay mặt nhìn anh và đột nhiên đặt câu hỏi:

– Có thật cậu từng muốn thành linh mục không?

– Đứa nào bảo cậu vậy?

– Thăng Honda..

– Láo khoét đấy.

Đại học của chúng tôi là một ngôi trường do hội đoàn Cơ đốc Giáo J. kinh doanh nhưng các vị linh mục đều là người Đức nghĩa là công dân một quốc

gia đồng minh. Họ không bị bắt buộc phải quay về bản xứ như những người ngoại quốc khác và vẫn còn được phép đứng trên bục giảng cùng với các giáo sư Nhật Bản. Cha Nosak, người trông coi cư xá chúng tôi cũng là một linh mục trong đám đó. Trông tướng Cha tiêu tụy như một cái đèn sáp đã cháy gần hết bắc với cặp mắt lõm sâu vào trong hố mắt. Từ năm Dự Bị, Toda mỗi ngày đều đến phòng của cha để hỏi đạo và sau cùng, đi đến chỗ chịu phép rửa tội.

Tôi còn nhớ hình ảnh của Cha Nosak trong những sáng mùa đông, khi trời hãy còn tối, đi từ cư xá đến chỗ cử hành lễ Misa. Lúc ông từ cư xá bước ra khi nào cũng có tiếng cánh cửa mỏng manh ngoài công nhà kêu lên ken két. Tiếng kêu đó đã đi vào trong cả những giấc chiêm bao của tôi. Chắc là sau đó

đến lượt Toda cũng mở cánh cửa và gây ra tiếng động như vậy trên đường anh đi dự lễ Misa.

– Một người như cậu thì...

Tôi đứng dậy khỏi cái bồn tắm xây bằng đá trong văng hơi nước nóng bốc lên cùng với mùi cáu ghét, vừa thở dài thườn thượt vừa nói với anh:

– Một người như cậu thì nếu được Cha Nosak khuyến khích vào đạo thì chắc cũng là chuyện đương nhiên thôi nhỉ?

– Sao cậu lại nói vậy?

– Bởi vì cậu là người tự ý muốn vào đạo... Đối với chuyện đó, cậu đã đủ tự tin rồi, phải không?

– Chứ cậu không đủ tự tin hay sao?

– Khác với cậu, tôi chưa hề chọn lựa một tôn giáo. Hồi nhỏ, tôi chỉ làm như vậy vì nghe theo lời mẹ tôi thôi.

– Thật thế sao? Theo tớ thì cái đó cũng không thành vấn đề.

Toda lắc đầu và nói với tôi bằng cái giọng dạy dỗ như ông giáo:

– Như tớ là cậu thì tớ sẽ có một thái độ rõ ràng. Nếu không thích cái tôn giáo nào đó thì cứ việc vứt bỏ. Còn như không vứt được thì phải tin tưởng là nó đã thuộc về mình. Coi bộ cậu hơi yếu bóng vía đấy nhé!

Đúng thế. Giống như những gì Toda đã nêu ra, bản chất tôi là một kẻ yếu đuối giống một tấm nệm đã bị ẩm nước. Vì yếu lòng như thế nên tôi không thể nào có một lựa chọn rõ ràng như Toda

và đâm ra thèm muốn có một khả năng phán đoán sắc gọn như anh.

Rốt cuộc, Toda đã không trở thành linh mục. Tuy không là tu sĩ nhưng anh đã dám chọn học Thánh Kinh Học (Thần Học) – một môn mà các sinh viên khác không ai chịu chọn – và dùng nó như một cái nghề trong tương lai.

Thế nhưng giờ đây, trong khi đang ngâm mình trong một thứ nước nóng màu nâu đỏ, cái chợt sống lại trong ký ức của tôi sau một thời gian dài quên lãng là mẩu chuyện trao đổi với anh trong một đêm xưa và đã thành trầm tích tụ dưới đáy của ký ức. Ấn tượng về một anh Toda thời đó, người có lần đã nghĩ đến việc trở thành linh mục, và anh Toda lâu ngày tôi mới gặp lại thật khác nhau xa. Tuy cái vết sẹo vì bị nước sôi làm bỏng trên cổ hầy còn nguyên nhưng tóc tai

anh đã thừa thốt đi nhiều. Trong khoảng hai mươi năm trời đó, lòng tin tôn giáo của tôi đã ngẫu đỏ như dòng nước tắm và có thể nội tâm anh cũng có nhiều thay đổi. Hơn nữa, chúng tôi đều đã quá cái tuổi bốn mươi nghĩa là đã đạt đến lứa tuổi mà mỗi người phải đi tìm cho được ý nghĩa cuộc sống của bản thân.

Bữa cơm cô độc trong một khách sạn ở xứ người thật là buồn và không có gì ngon. Trong phòng ăn chỉ có hai ba gia đình người Do Thái đang ngồi. Anh bồi người Ả Rập bèn đưa tôi đến một cái bàn trong góc. Thịt cừu dậy lên một cái mùi ngòn ngọt hăng hăng còn xà lách lại trộn quá nhiều dầu ô-liu. Sau khi xong bữa cơm, gia đình ông khách người Do Thái bèn ra ngồi trước cái máy truyền hình đặt ở một góc phòng ăn và thích thú xem. Quốc gia này chỉ có một đài truyền

hình duy nhất, thế mà cả mấy người bồi lẫn gia đình Do Thái kia vẫn tỏ ra là họ đang theo dõi mấy tiết mục hình như là ngâm thơ mà không hề biết chán.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau thì anh Toda lại đến với chai uýt-ki bọc trong giấy báo. Anh cũng đặt một hũ đồ chua, có lẽ là dưa chuột ngâm giấm lên trên mặt giường. Bên ngoài, trời đã tối mịt. Dưới ánh sáng ngọn đèn trong căn phòng tù mù, những quả dưa chuột anh đem đến ánh lên một cái màu sồng sít trông dị dạng...

– Cậu ngâm lấy đấy à?

Tôi đứng cạnh bồn rửa mặt, vừa lau mấy cái cốc, vừa đặt câu hỏi cho anh.

– À... không?

Giọng trả lời của anh như có gì vương vίου. Tự nhiên trong đầu tôi hiện ra hình ảnh người phụ nữ Do Thái đã được anh chàng Nhật Bản này dạy cách thức muối dưa.

– Ngồi đối ẩm với cậu trong căn phòng tù mù như thế này ... làm tớ nhớ thời chúng mình còn ở chung ký túc xá.

Tôi lăm bầm như vậy nhưng có lẽ vì cái mệt mỏi của cuộc hành trình kèm theo men rượu đã làm cho bên dưới riềm mi của tôi chỉ hiện ra hình ảnh của những bộ đồ nhu đạo (judogi) ám mờ hôi vàng khè đang phơi cạnh cửa sổ và mùi cà-ri luôn luôn bám lấy cái hành lang cư xá.

– Cư xá của tui mình là nơi mật thám hay đến dò xét đấy cậu nhỉ? Họ muốn điều tra hành động của Cha Nosak.

Khi anh Toda vô tình thốt ra câu nói ấy, bỗng nhiên tôi thấy một nỗi đau chạy băng qua lồng ngực của mình. Bởi vì trong bao nhiêu năm tháng, lâu lâu nỗi đau đó vẫn trở về nên tôi biết rằng đó là một trong những nỗi đau mà tôi không bao giờ muốn nó quay trở lại.

Tự nhiên tôi đổi hướng câu chuyện:

– Cậu có nhớ là trong cư xá có một tu sĩ trợ tá không? Hình như tên ông ta là Kobalski, một người tính khí bạc nhược.

– «Chuột Nhắt» à?

– Phải rồi. Đúng là «Chuột Nhắt». Cậu còn nhớ chuyện ông ta đã bị sĩ quan tùy viên quân sự ở nhà trường đánh đập đấy chứ?

Ký ức tôi như một cuộn chỉ rối được tháo gỡ ra. Lần theo nó, tôi chợt nhớ lại

là, phải rồi, trong cư xá thời ấy, vốn có một tu sĩ với hõn danh «Chuột Nhắt». Đúng như hình ảnh được gọi ra từ danh hiệu đó, đó là ông tu sĩ người Ba Lan ốm yếu có một bộ mặt giống mặt chuột và đôi mắt sùng vù của người vừa mới khóc xong.

– Lão ta ra sao rồi nhỉ? Tổ nghe nói đã hết làm tu sĩ và quay về nước thì phải.

– Tổ không biết chuyện đó.

Chẳng biết có phải vì đã bắt đầu say hay sao mà vết sẹo phỏng nước sôi trên cổ anh Toda giờ càng hiện rõ hơn. Khác với lúc cách đây ba tiếng đồng hồ, anh đã đặt đôi bàn chân bên trong đôi tất bạc màu lên trên giường tôi không chút khách sáo.

– Lão ấy chết sau khi về nước rồi cậu ạ... Trong tại tập trung Gerzen...

– Chết trong trại tập trung?

– Mãi sau này, tớ mới được Cha Fuller cho biết đấy.

– Một người nhút nhát và ươn yếu như vậy làm sao chịu nổi cuộc sống trong trại tập trung nhỉ?

– Vì vậy ông ta mới chết đó chứ!

Đôi mắt tối sầm của Toda như đang nhìn về phía một không gian xa xôi.

– Bạn cũ cùng cư xá của tụi mình cũng có bốn, năm đứa hoặc tử trận hoặc mắc phải bệnh lao sau khi chiến tranh kết thúc.

– Cha Fuller có phải là người xuất thân ở Kolhn, mặt đỏ đỏ, đã đưa chúng mình đi ủy lạo ở trại phung hủy trên Gotemba⁵ không?

5 Địa điểm nằm ở một vùng cao gần núi Fuji.

Trong cái đầu đã đờ đẫn vì hơi men, những kỷ niệm quên lãng một lần nữa đang tìm cách quay về. Ôi, bữa hôm đó sao mà kỳ lạ. Ở cư xá của chúng tôi, mỗi năm cứ vào tháng sáu, người ta vẫn tổ chức cho đám sinh viên Công Giáo chuyển đi ủy lạo cho bệnh nhân một trại phung hủi trực thuộc Nhà Chung ở vùng Gotemba. Riêng tôi đã đón chờ ngày đó với tất cả sự âu lo.

– Tớ nhớ hôm đó cậu hằng hái lắm cơ mà?

Có lẽ vì còn oán hận và đang muốn mỉa mai Toda nên tôi đã buông ra một câu châm chọc. Đúng vậy, khác với tôi, trong dịp đi ủy lạo này, anh Toda, người tự ý xin được rửa tội, đã tỏ ra hết sức tích cực.

Bản tính tôi thì đối với việc ủy lạo hay làm từ thiện, tôi không hề xem là công việc có thể đem đến cho mình một sự thích thú. Và lại tôi không hề nghĩ mình có nghĩa vụ phải lên Gotemba ủy lạo. Từ hồi trung học, khi xem mấy tờ tạp chí tạp nham, tôi đã biết biết về đôi ba triệu chứng của bệnh phung hủi, nên còn nhớ lúc đó mình đã có một tâm trạng hết sức sợ hãi đối với cái bệnh này. Tuy vậy, mặt khác, vì không muốn nghe những người như Toda xem mình là một con chiên đã đánh mất lòng tin, rớt cuộc, tôi đã nhận lời tham gia chuyến đi ủy lạo.

Hôm đó là một ngày Chúa Nhật lấm tẩm mưa sương. Mười bốn, mười lăm sinh viên đi đạo đã theo chân Cha Fuller lấy tàu hỏa đi Gotemba. Tôi hãy còn nhớ hình ảnh đau khổ của mình khi cứ mãi nhìn ra cửa sổ toa tàu ngắm những ngôi

nhà của nông dân với mấy cánh đồng đen đúa và ẩm ướt để tránh những cuộc đối thoại đượm màu giả dối giữa một sinh viên nhát gan là mình với đám sinh viên đầy quyết tâm kia, cũng như để trấn áp nỗi sợ hãi cái bệnh phung hủi đang nổi dậy trong lòng.

Ở cánh cửa soát vé của nhà ga Gotemba chìm trong bóng tối màn mưa, một người đàn ông trung niên để râu cắt mũi đã ra đón chúng tôi với một nụ cười toe toét trên môi. Người đó tự xưng là viên quản lý hành chính của bệnh viện, đã lập đi lập lại cho chúng tôi hay là các cậu sẽ thấy hiện nay đám bệnh nhân của chúng tôi đang có một cuộc sống thoải mái biết chừng nào, rồi sau đó, ông ta đã chất chúng tôi lên một chiếc ô tô buýt cũ kỹ chạy bằng than củi.

– Cậu có nhớ là họ đã mời mình khoai lang. Thay cho bữa ăn trưa, các bệnh nhân mời mình ăn khoai lang do họ nấu lấy ấy mà.

– Thật thế sao cậu!

Toda nói thế vì hình như anh đã quên khuấy mọi sự việc xảy ra hồi đó. Thân hoặc anh đang làm bộ quên đi cũng không chừng. Bệnh viện nằm trong một khu rừng thưa cách thị trấn Gotemba khoảng tám cây số (2 ri, 4km x 2). Dưới màn mưa, những phòng bệnh trông buồn bã như một khu doanh trại quân đội. Trong phòng hành chính của bệnh viện, vài bà phước người Nhật đảm nhận công việc khán hộ đã xuất hiện với mấy cái mâm chất đầy khoai lang luộc.

– Mấy mâm khoai này là do các con bệnh trích từ khẩu phần của họ đem ra

chiêu đãi các cậu đấy.

Ông quản lý với nụ cười tươi tắn nói với bọn sinh viên đầu óc vốn đang căng thẳng:

– Bệnh nhân thì từ nửa tiếng đồng hồ trước đã tụ tập và đợi các cậu ở trong hội trường rồi. Trước khi vào đó, có cậu nào thấy cần vào ngâm trong bồn tắm để sát trùng không ạ?

Lúc tôi và hai ba anh bạn khác dợm đứng dậy thì Toda đã lắc đầu:

– Cần gì phải sát trùng hở! Mặc mớ gì chúng ta phải làm như thế.

Anh ta bảo rằng nếu mình làm như thế là sỉ nhục các con bệnh. Chúng tôi chỉ còn biết nín thinh.

Cảm tưởng khi bước vào cái hội trường mà đám bệnh nhân đã đợi ở đó từ nửa giờ trước, giờ đây, hai mươi năm sau, lại tìm đến với tôi nơi cái phòng khách sạn rẻ tiền giữa thành phố El Salem này.

Ấn tượng đầu tiên của tôi là trong cái hội trường tối nhờ nhờ ấy, tất cả mọi người đều lộ nét già nua. Đầu tóc các con bệnh ngắn cùn, mặt họ khản ra, chỉ có đôi mắt là còn sáng và đang nhướng lên nhìn mọi cử chỉ của chúng tôi. Nhưng chỉ một lúc sau, khi đã quen với không khí đó, tôi để ý thấy trong đám bệnh nhân tóc ngắn kia còn có vài nữ bệnh nhân trẻ tuổi, đầu trọc lóc, mặc áo tơ Meisen hay quần Mompe [Quần áo lao động. Có lẽ họ là nhân viên phục vụ.], chen lẫn vào. Những phụ nữ ấy ngồi nghiêm chỉnh, hai bàn tay đặt lên trên đùi. Có những con bệnh trầm

trọng, đầu quấn vải trắng, cũng đã được cáng đến bằng băng-ca.

– Cậu có nhớ là cậu đã ngâm thơ cho các con bệnh đó nghe không?

Tôi nhắc như thế vì vừa nhớ lại khuôn mặt đầy tự tin của Toda cũng như những tình cảm mình đã nhận được từ phía anh lúc đó, thế nhưng anh chỉ cười như muốn che dấu một sự xấu hổ:

– Ừ nhỉ, chắc hồi đó, tớ có làm như thế thật.

Chúng tôi đã hát bài ca hiệu đoàn cũng như những khúc dân ca – mà tất cả đã dành một tuần lễ để tập luyện – trước mặt đám bệnh nhân. Lúc hợp xướng, giữa khi mọi người cất cao giọng hát, chỉ có một mình tôi đứng mấp máy môi. Tôi như sợ hãi phải cất tiếng hòa ca cùng

với họ, lại vừa chiến đấu với nỗi sợ hãi đó cũng như tình cảm tự khinh bỉ. Vào thời điểm này, tôi bị một vết thương nhỏ ở chân và đang lo lắng không biết vết thương ấy có thể bị nhiễm trùng không? Dù vậy, tôi cũng tự cảm thấy mình là một đứa khó ưa. Lúc bản hợp xưởng chấm dứt cũng là lúc tôi vừa cảm thấy người nhẹ nhõm thì đột nhiên Toda rời khỏi hàng để tiến ra đằng trước và kêu lên:

– Thưa quý vị! Xin quý vị cho phép tôi được đọc mấy đoạn thơ nhé?

Đó là những bài thơ được đánh giá cao vào thời đó. Không biết là các bệnh nhân có hiểu hết ý nghĩa hay không. Thế nhưng, trừ vài tiếng ho húng hắng ở một góc hội trường, hình như tất cả cử tọa đều tỏ ra chăm chú. Ngay cả các cô gái trọc tóc cũng cúi đầu nghe và thân thể không động đậy mảy may. Vì không

thích nghe tiếng đọc thơ lạnh lạnh nghe như đang rún rẩy của anh nên mắt tôi đã đổi hướng để ngắm cái màu trắng ở phía cửa sổ nơi cơn mưa vừa mới tạnh. “Hãy để thằng cả (Tarô) ngủ yên. Tuyết đang rơi và đọng trên mái nhà của Tarô. Hãy để thằng hai (Jirô) ngủ yên. Tuyết đang rơi và đọng trên mái nhà của Jirô.”

– Có phải thơ Miyoshi Tatsuji⁶ không đấy cậu?

– Ờ ờ!

Lượng rượu trong chai còn lại chưa tới một phần ba. Tôi mở cửa sổ để căn buồng ngập khói thuốc lá được thoáng khí. Dù hồi trưa trời nóng đến thế mà lạ thay, trán tôi đã cảm thấy một luồng hơi lạnh đang lùa vào cùng với bóng đêm. Dưới ánh sáng của ngọn đèn đường, hai

⁶ Miyoshi Tatsuji (1900–1964), nhà thơ và nhà tùy bút.

dân quân người Israel vai đeo súng đang đứng sừng sững. Trông họ giống hai pho tượng gắn trên mũi thuyền.

– Đúng là một nước đang ở giữa thời chiến.

– Chớ sao!

– Thế cậu có còn nhớ sau đó, chúng mình đã làm gì tiếp không nào?

Tuy nghe trong giọng nói của tôi có pha một chút hờn dỗi nhưng Toda chỉ nhếch mép trả lời bằng nụ cười châm chọc cổ hủ.

– Sao mà cậu nhớ dai thế! Bao nhiêu chuyện cũ tớ đã dần dần quên hết.

– Hôm ấy chúng mình lại chơi bóng chày (baseball) mà. Với đội bóng của bệnh nhân đó!

Sở dĩ tôi hãy còn nhớ những gì Toda đã quên, có lẽ vì ngày hôm đó là một ngày tôi cảm thấy được dịp tự phanh phui để nhìn thấy con người thật của mình. Tuy chỉ vón vện một ngày Chúa Nhật nhưng Chúa Nhật đó đã gieo vào lòng tôi một mầm mống nhỏ khiến cho về sau, tôi không còn lui tới với Giáo hội nữa.

Tôi nói như hãy còn tỏ ra oán trách anh:

– Khi nghe nói các bệnh nhân cũng có đội bóng chày thì người đòi tổ chức một trận đấu giao hữu với họ là cậu chứ ai!

– Tổ quên rồi.

Tuy Toda lắc đầu và trả lời là anh đã quên nhưng tôi vẫn nhớ chính Toda là kẻ đưa ra sáng kiến đó. Nó đã khiến cho

Cha Fuller lẫn các bà phước đều hoan hỉ.

Có lẽ tôi là người cuối cùng trong nhóm đã bước ra sân vận động của bệnh viện. Sau cơn mưa, cái sân ấy đang nong lên một mùi đất ẩm. Được biết các các bao tay bắt banh để chơi (gloves) họ trao cho chúng tôi dùng là bao tay dành cho viên chức chứ không phải của con bệnh nhưng khi thọc mấy ngón vào trong, tôi không khỏi cảm thấy là có gì bần bản, nhơm nhớp.

Có ai đó vỗ vào vai tôi và lên tiếng:

– Ê, này cậu! Chơi vai phòng thủ trên sân (yashu, fielder) hộ tôi nha!

Có tiếng hò reo cổ vũ nổi lên từ phía bệnh xá. Từ những khung cửa sổ, tôi thấy bóng các con bệnh vừa nam vừa nữ đang phất tay và vẫy khăn bởi vì lúc ấy,

những tuyến thủ mới mắc bệnh nhẹ của họ trong đồng phục lấm đầy bùn đất vừa từ phía bệnh xá chạy vào trong sân.

Từ đằng xa mà nhìn thì những tuyến thủ chỉ có triệu chứng bệnh nhẹ này trông không khác gì mấy tuyến thủ bình thường. Thế nhưng:

– Xin chào các bạn!

Khi họ cởi mũ ra để chào đội của đối phương một cách trang trọng thì tôi nhận ra là trên đỉnh đầu của một người trong nhóm có một khoảnh tóc thừa cỡ một đồng tiền lớn lộ ra. Một người khác thì trên môi lại như có một vết bỏng làm cho hình thù trở nên méo mó.

Đứng phòng thủ ở vòng sân bên ngoài (gaiya, outfield), tôi tưởng tượng ra khung cảnh vừa thấy trong hội trường

với những cái đầu quấn vải trắng của các con bệnh nặng đang ngửa lên để nghe một cách chăm chú mấy đoạn thơ anh Toda đang đọc, thấy cả hình ảnh những cô con gái hai tay đặt lên đùi và đầu cúi xuống. Hình ảnh của tôi nữa, một thằng tôi khiếp hãi khi đối diện với đám đông.

“Cái thằng khó ưa! Cái thằng khó ưa!” Vừa bước trên mặt có ướm của vòng phòng thủ bên ngoài, mồm tôi đã lẩm bẩm không biết bao lần điệp khúc đó.

Thế rồi trận đấu bóng đã triển khai và đến lượt tôi thủ vai người quật bóng (batter). Khi vung cây chày (bat) lên, tôi chạm được một lực đối kháng thật mạnh và quả banh tròn vì dính bùn đã đổi thành màu xám lập tức bay ra xa. Có tiếng ai đó la lên “Chạy đi!” khiến tôi học tốc lao về lũy thứ nhất (first base) và sau đó, khi dợm chạy về phía lũy thứ

hai (second base) thì đối thủ giữ lũy thứ hai trong đội banh của bệnh nhân đã bắt được một đường banh do đồng đội hản ném từ lũy thứ ba (third base) đến nên đã chạy đuổi theo tôi. Bị kẹt giữa hai lũy một và lũy hai, khi tưởng tượng bàn tay của đối thủ phung hủi giữ lũy hai kia sẽ chạm vào thân thể mình, đôi chân tôi bỗng mềm nhũn ra. Lúc cái trán hói và đôi môi vều của đối thủ giữ lũy hai đến sát bên cạnh, hai chân tôi không còn di động nổi và tôi đã ngược mắt lên nhìn anh ta.

– Chạy đi. Tôi sẽ không chạm vào người cậu đâu!

Đã hai mươi năm trôi qua mà tôi vẫn nghe cái giọng nói điềm tĩnh ấy vọng lại từ một góc sâu trong đầu mình. Giữa căn phòng khách sạn yên ắng này, anh Toda vẫn đuổi đôi chân lên chiếc giường của

tôi, tay cầm cái cốc và nhắm đôi mắt lại.

“Chạy đi. Tôi sẽ không chạm vào người cậu đâu!”

– Khi chạm vào tay kẻ bị phung hủi, Chúa Giêsu đã chữa lành được nhiều người đấy, cậu nhỉ?

Hình như Toda đang nghĩ ngợi về một chuyện gì khác nên đôi mắt anh vẫn nhắm nghiền.

– Bao nhiêu người phung hủi đã nhờ bàn tay Chúa Ki-Tô đụng vào mà được lành bệnh, có phải không cậu?

– Sao lại hỏi tôi chuyện đó?

– Thôi, đừng thắc mắc vì nó nữa. Chắc cậu say rồi. Chứ, dạo này cậu có còn chăm đi xem lễ không?

Trước câu hỏi của tôi, Toda chỉ mở hé đôi mắt, lừ đừ nhìn vào một khoảng mông lung như tìm kiếm cái gì, rồi mới trả lời:

– Hết đi rồi.

– Bộ bỏ đạo hả?

Anh bèn đặt đôi chân xuống khỏi chiếc giường, hươ hươ chúng như muốn tìm đôi giày mình mới đá văng đi đâu hồi nãy và hỏi ngược tôi:

– Còn cậu thì sao, vì có gì cậu lại tìm đến đất nước này?

– Tớ cũng giống cậu thôi, đâu còn ở lứa tuổi hai mươi hay ba mươi gì nữa! Muốn làm lại cuộc đời thì đã quá già. Và lại chúng mình đều biết con người ta đâu có thể sống hết mình cho tất cả mọi thứ cùng một lúc. Cho nên tớ chỉ xin đi lại

một lần nữa theo bước chân của “người đàn ông đó” (ano otoko), một người mà mình không còn tìm ra tung tích nữa, để có thể đánh một dấu qua hàng.

Vì trong lòng cảm thấy hổ thẹn khi xưng danh Chúa Giêsu, tôi đã gọi ngài là “người đàn ông đó”.

Tôi lại thoáng thấy nụ cười châm chọc cố hữu lộ trên khuôn mặt của Toda khi anh tiếp lời:

– Nhưng Giêsu nào? Giêsu của giáo hội hay Giêsu của cậu đây?

– Chắc phải là Giêsu của tớ thôi!.

Kết cuộc, tôi nghĩ dù Giêsu của ai đi nữa, mọi sự đâu vẫn hoàn đó. Vài hôm sau, khi phải lấy máy bay ở phi trường Tel Aviv để trở về Nhật Bản, có lẽ tôi vẫn là tôi của trước đây. Hai mươi năm xưa,

nỗi sợ hãi ở bệnh viện phung hủ ở G-temba từng khiến cho đôi chân của một thanh niên ở tuổi hai mươi là tôi đứng như trời trồng giữa hai lũy sân bóng cháy vẫn không hề biến dạng trong con người tôi của hôm nay.

– Để tôi tiễn cậu xuống dưới nhà nhá!

Cả hành lang lẫn cầu thang chỉ có chút ánh sáng mờ mờ. Không thấy bóng dáng một người khách nào. Gia đình Do Thái hồi nãy ngồi xem truyền hình ở phòng ăn, giờ đây chắc đã đi ngủ cả. Ở quầy tiếp tân chỉ còn một anh nhân viên đang ngồi tựa lưng vào bức tường có tấm biển treo lủng lẳng những xâu chìa khóa phòng, ngón tay gõ lên mặt máy đánh chữ. Có lẽ tiếng máy đánh chữ lách cách liên tục vang lên trong gian đại sảnh thanh vắng là dấu hiệu của sự sống duy

nhất còn tồn tại nơi đây. Khi chúng tôi bước ra khỏi khách sạn, hai binh sĩ đứng gác ở ngã tư đường hãy còn nguyên đó, y như lúc tôi nhìn xuống từ tầng lầu, và đốm lửa thuốc lá của họ vẫn lập lòe giữa màn đêm.

Dịch xong ngày 12/12/2023

Văn bản:

Endo Shusaku, El Salem, trong tuyển tập Shikai no hotori (Bên bờ Biển Chết, 1973), tủ sách bỏ túi Shinchô Bunko, Nxb Shinchô, tái bản lần thứ 30, Tokyo, 2021, từ trang 7 đến 27. Nguyên tác Nhật ngữ.

<http://chimvie3.free.fr/92/index92.htm>

Dịch giả: Nguyễn Nam Trân

